

Bản án số: 107/2022/HNGĐ-ST
Ngày 27 - 4 - 2022
V/v tranh chấp ly hôn

NHÂN DANH
NUỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐÀM DƠI, TỈNH CÀ MAU.

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Ngô Giang Nam.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Hoàng Ảnh
Ông Nguyễn Hoài Phong

- Thư ký phiên tòa: Bà Hà Thị Diễm My là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đam Dơi, tỉnh Cà Mau.

Ngày 27 tháng 4 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đam Dơi, tỉnh Cà Mau xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 69/2022/TLST-HNGĐ ngày 10 tháng 02 năm 2022 về tranh chấp ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 99/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 30 tháng 3 năm 2022 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Lê Kim H, sinh năm 1994.

Cư trú tại: Ấp Văn Luyện, xã Nguyễn Huân, huyện Đ, tỉnh C. (vắng mặt)

- *Bị đơn:* Ông Nguyễn Trọng N, sinh năm 1980.

Cư trú tại: Ấp Thuận Thành, xã Tân T, huyện Đ, tỉnh C. (vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- *Tại đơn khởi kiện đề ngày 10/02/2022, trong quá trình giải quyết nguyên đơn bà Lê Kim H trình bày:*

Về quan hệ hôn nhân: Bà H với ông N chung sống với nhau vào năm 2014, hôn nhân tự nguyện, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Nguyễn Huân, huyện Đam Dơi, tỉnh Cà Mau. Trong quá trình chung sống thời gian gần đây vợ chồng phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm vì ông Nguyễn khi uống rượu về hành hung bà, mâu thuẫn vợ chồng đã được gia đình thân tộc hai bên hòa giải nhiều lần nhưng không thành dẫn đến bà với ông N ly thân mỗi người sống một nơi, không ai có trách nhiệm với ai. Nay, bà H xác định không thể chung sống cùng nhau được nữa nên yêu cầu được ly hôn với ông N.

Về con chung: Nguyễn Yến N, sinh ngày 24/8/2015, hiện con đang ở cùng ông N. Khi ly hôn bà H đồng ý giao trẻ Nhi cho ông N nuôi dưỡng, bà không cấp

đưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ: Bà Lê Kim H xác định không có.

- *Đối với bị đơn ông Nguyễn Trọng N:* Trong quá trình Tòa án nhân dân huyện Đầm Dơi thụ lý giải quyết vụ án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho ông N theo quy định pháp luật, nhưng ông N không có ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của bà H.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] *Về tố tụng:* Vào ngày 15/4/2022 bà H có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt. Đối với ông N đã được Tòa án nhân dân huyện Đầm Dơi, tỉnh Cà Mau triệu tập hợp lệ đến Tòa án để tham gia tố tụng nhưng ông Nguyễn vắng mặt không có lý do. Căn cứ điểm a, b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt ông N.

[2] *Về hôn nhân:* Bà H với ông N chung sống với nhau vào năm 2014, hôn nhân tự nguyện, ngày 25/9/2014 đăng ký kết hôn theo giấy chứng nhận số 75/2014 tại Ủy ban nhân dân Nguyễn Huệ, tỉnh Cà Mau, hôn nhân hợp pháp.

Bà Hằng xác định quá trình chung sống vợ chồng phát sinh mâu thuẫn do ông N khi uống rượu thường hành hung bà. Nay, bà H yêu cầu được ly hôn với ông N. Xét thấy, Tòa án đã thông báo thụ lý vụ án, thông báo hòa giải và triệu tập hợp lệ ông N nhiều lần để tham gia hòa giải nhưng ông N vắng mặt không tham gia hòa giải để hàn gắn tình cảm vợ chồng và không có ý kiến đối với yêu cầu của bà H. Ngoài ra, vợ chồng ông bà hiện đã ly thân 07 tháng nay và cũng không chung sống cùng nhau, mỗi người có cuộc sống riêng, không ai quan tâm ai nên đã vi phạm nghiêm trọng quyền, nghĩa vụ của vợ chồng được quy định tại Điều 19 Luật hôn nhân và gia đình “*Vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau; cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc gia đình. Vợ chồng có nghĩa vụ sống chung với nhau...*”. Viện dẫn theo điều luật trên thấy rằng, tình trạng hôn nhân giữa bà H với ông N đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu của bà H về việc ly hôn với ông N

[3] *Về nuôi con chung:* Nguyễn Yến N, sinh ngày 24/8/2015. Khi ly hôn bà H đồng ý giao trẻ N cho ông Nguyễn nuôi dưỡng. Hội đồng xét xử xét thấy, tại khoản 2 Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình quy định “*vợ, chồng thỏa thuận về người trực tiếp nuôi con, nghĩa vụ, quyền của mỗi bên sau khi ly hôn đối với con...*”. Viện dẫn từ điều luật trên, giao trẻ N cho ông N trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Cấp dưỡng nuôi con ông N chưa yêu cầu, nên không đặt ra xem xét.

Bà Lê Kim H có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

[4] Về tài sản chung và nợ: Bà Lê Kim H xác định không có.

[5] *Án phí dân sự sơ thẩm:* Tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của

Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định: Trong vụ án ly hôn thì nguyên đơn phải chịu án phí sơ thẩm, không phụ thuộc vào việc Tòa án chấp nhận hay không chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn. Do đó, bà H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm 300.000 đồng;

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 56; khoản 2 Điều 81; khoản 3 Điều 82; khoản 2 Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình;

- Căn cứ vào khoản 4 Điều 147, khoản 2 Điều 227 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Lê Kim H.

1. Về hôn nhân: Cho bà Lê Kim H ly hôn với ông Nguyễn Trọng N.

2. Về nuôi con chung: Giao Nguyễn Yến N, sinh ngày 24/8/2015 cho ông Nguyễn Trọng N trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục.

Bà Lê Kim H có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Bà Lê Kim H phải chịu 300.000 đồng, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân và gia đình bà H đã nộp 300.000 đồng theo biên lai số 0011984 ngày 10/02/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đầm Dơi; bà H đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân và gia đình.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bà Lê Kim H có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; ông Nguyễn Trọng N có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- Viện kiểm sát nhân dân huyện Đầm Dơi;
- Đương sự;
- Ủy ban nhân dân xã Nguyễn Huệ;
- Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đầm Dơi;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu VT. Tòa án Đầm Dơi.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Ngô Giang Nam

